

NGÔN NGỮ VÀ VĂN CHƯƠNG

DẤU ẤN PHONG CÁCH HÀN MẶC TỬ QUA CÁCH SỬ DỤNG ĐIỆP NGỮ TRONG THƠ

NGUYỄN THỊ THANH ĐỨC*

TÓM TẮT: Hàn Mặc Tử là một trong những gương mặt tiêu biểu của phong trào Thơ mới trong nền thơ ca Việt Nam thế kỉ XX. Với cá tính sáng tạo độc đáo, bằng việc sử dụng biện pháp tu từ điệp ngữ với tần số cao, Hàn Mặc Tử đã đem đến cho độc giả những ấn tượng riêng biệt, khơi gợi nhiều tầng nghĩa sâu sắc; đồng thời, đem lại nhận thức mới trong cách tân về hình thức diễn đạt riêng biệt, mới mẻ của ngôn ngữ thi ca, hình thành phong cách của nhà thơ. Nghiên cứu việc sử dụng biện pháp tu từ điệp ngữ trong thơ Hàn Mặc Tử, chúng ta có thêm kinh nghiệm, điều kiện để tiếp cận ngôn ngữ thơ của các tác giả khác trong phong trào Thơ mới 1932-1945 nói riêng, các nhà thơ đương đại nói chung.

TỪ KHÓA: tu từ; biện pháp điệp ngữ; ngôn ngữ thơ; Hàn Mặc Tử; Thơ mới.

NHẬN BÀI: 1/9/2020.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 14/10/2020

1. Dẫn nhập

Là sản phẩm sáng tạo nghệ thuật, ngôn ngữ trong tác phẩm văn học là ngôn ngữ ưu tiên hàng đầu cho tính thẩm mỹ, nhằm biểu đạt tư tưởng, tình cảm phong phú, phức tạp, tinh tế của người nghệ sĩ. Với một văn bản nghệ thuật, người ta có thể sử dụng một hoặc nhiều biện pháp tu từ khác nhau và thậm chí có thể khai thác tối đa sức mạnh nghệ thuật của một vài biện pháp tu từ nào đó, tạo ra những hình ảnh cụ thể, sinh động, gợi cảm, làm cho ý nghĩa của văn bản trở nên sâu sắc hơn và dễ làm rung động lòng người hơn.

Thơ là cách khám phá thế giới thông qua xúc cảm của người nghệ sĩ, là sự giao hòa linh diệu giữa chủ thể sáng tạo và đối tượng được thể hiện. Từ cổ chí kim, trong thơ, tu từ luôn đóng vai trò quan trọng hơn bất cứ một thể loại văn học nào khác. “Thời trang là thuật của phái đẹp, tu từ là thuật của nhà thơ, một phái đẹp khác”, Lê Đạt đã quả quyết như vậy khi chiêm nghiệm lại nghiệp thơ của mình. Chính các biện pháp tu từ là phương tiện góp phần tạo nên dấu ấn cá nhân độc đáo trong nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ trong thơ. Màu sắc tu từ cũng như hiệu quả tu từ được gọi lên từ các phương tiện ngôn ngữ và các biện pháp thể hiện sự tài năng của nhà văn, sự giàu đẹp của tiếng Việt và giúp cho văn học thực hiện được chức năng giao tiếp thẩm mỹ của mình. Chúng tôi sẽ cố gắng làm sáng tỏ điều này qua việc tìm hiểu cách sử dụng biện pháp tu từ điệp ngữ trong thơ Hàn Mặc Tử - một nhà thơ tiêu biểu của phong trào Thơ mới 1932-1945.

2. Nội dung

2.1. Một số tiền đề

Tu từ là đối tượng nghiên cứu thuộc bộ môn Tu từ học (“[...] bộ môn ngôn ngữ học nghiên cứu những thuộc tính biểu cảm của phương tiện ngôn ngữ để sử dụng làm cho lời văn đẹp hơn, hay hơn” [8, tr.1059] và Phong cách học (“[...] một môn trong ngành ngôn ngữ học nghiên cứu nguồn phương tiện ngôn ngữ dồi dào và các nguyên tắc lựa chọn, sử dụng những phương tiện này trong việc diễn đạt một nội dung tư tưởng, tình cảm nhằm đạt được những hiệu quả thực tế mong muốn trong những điều kiện giao tiếp khác nhau” [4, tr.13]). Trong thực tế sử dụng, thuật ngữ *tu từ* được thể hiện bằng các khái niệm khác như: màu sắc tu từ, phương tiện tu từ và biện pháp tu từ. Trong ngành Việt ngữ học, có nhiều tên gọi khác nhau về các cách tu từ. Chẳng hạn: *Cách tu từ* (Cù Đình Tú), *Phương thức tu từ* (Lê Anh Hiền), *Phép tu từ* (Nguyễn Thái Hòa), *Nghệ thuật tu từ* (Nguyễn Thế Lịch)... Còn Đinh Trọng Lạc phân xuất chi tiết và gọi cụ thể bằng khái niệm: *phương tiện và biện pháp tu từ*. Với cách gọi này, ông đồng thời cũng xây dựng hệ thống nghiên cứu những đặc điểm tu từ của tiếng Việt trên các cấp độ: *từ vựng, ngữ nghĩa, cú pháp, văn bản, ngữ âm - văn tự*. Ở cấp độ nào của ngôn ngữ, các biện pháp tu từ cũng cần được phân biệt với các phương tiện tu từ ở những đặc trưng nhất định, trong đó diễn giải thêm về ý nghĩa của các cách tu từ: *Ý nghĩa tu từ của biện pháp tu từ nảy sinh ra trong ngữ cảnh của một đơn vị lời nói nào đó. Còn ý nghĩa tu từ học của phương tiện tu từ được củng cố ngay ở phương tiện đó* [3, tr.4-10].

Điệp ngữ là một trong những biện pháp tu từ được sử dụng khá phổ biến trong thơ. “Điệp ngữ (còn gọi: lặp) là lặp lại có ý thức những từ ngữ nhằm mục đích nhấn mạnh ý, mở rộng ý, gây ấn tượng mạnh

* ThS-NCS; Trường Đại học Vinh; Email: thanhducvhnt@gmail.com

hoặc gợi ra những xúc cảm trong lòng người đọc, người nghe. Điệp ngữ có cơ sở quy luật tâm lí: một vật kích thích xuất hiện nhiều lần sẽ làm người ta chú ý” [4, tr.93]. Và “Với nhiều hình thức phong phú, điệp ngữ có khả năng tạo hình, mô phỏng âm thanh, diễn tả nhiều sắc thái khác nhau của tình cảm: vui mừng, cảm động, thiết tha, triu mến, đau thương, thâm trầm, miên man, mĩa mai, châm biếm” [4, tr.96].

2.2. Biện pháp điệp ngữ trong thơ Hàn Mặc Tử

2.2.1. Số liệu thống kê

Trong các sáng tác thơ của mình, Hàn Mặc Tử thường xuyên sử dụng biện pháp điệp ngữ để gia tăng giá trị biểu cảm. Nếu thơ ca trung đại do chịu sự ràng buộc của những quy định về niêm, luật, đối nên việc lặp lại một từ, ngữ trong một dòng, một câu hay nhiều khổ thơ là hết sức hạn chế thì các nhà Thơ mới có sự cách tân về thi pháp, thế là, điệp mới trở thành một biện pháp tu từ nghệ thuật quan trọng và được sử dụng rộng rãi. Trước sự phổ biến của biện pháp này thì cái gì, cách thức nào làm nên phong cách riêng của từng tác giả, trong đó có Hàn Mặc Tử - đối tượng mà chúng tôi hướng đến? Để trả lời cho câu hỏi này, chúng tôi tiến hành khảo sát số bài sử dụng và số lượt sử dụng điệp trong thơ Hàn Mặc Tử, đồng thời so sánh với thơ Bích Khê, Xuân Diệu, và Nguyễn Bính. Kết quả thống kê được thể hiện ở bảng dưới đây.

Bảng 1. Biện pháp điệp ngữ trong thơ Hàn Mặc Tử, Bích Khê, Xuân Diệu và Nguyễn Bính

Tác giả	Tổng số bài khảo sát	Tổng số bài sử dụng	Tổng số lần sử dụng	Tỉ lệ bài sử dụng (%)	Tần suất xuất hiện trong bài
Hàn Mặc Tử	119	77	215	64,7	1,81
Bích Khê	82	60	266	73,2	3,24
Xuân Diệu	90	61	137	67,8	1,52
Nguyễn Bính	88	58	163	65,9	1,85

Các số liệu ở bảng trên cho ta thấy: cả bốn nhà Thơ mới đều coi điệp như một biện pháp tu từ quan trọng, do đó, điệp xuất hiện phổ biến trong nhiều sáng tác của các thi sĩ. Trên tổng số bài khảo sát, số lượng bài sử dụng điệp đều chiếm từ 65% trở lên; cao nhất là thơ Bích Khê, có số bài sử dụng trên 73%. Bích Khê cũng là người sử dụng nhiều lần biện pháp điệp trong một bài thơ nhất, trung bình 3,2 lần/ bài. Nếu xét số bài sử dụng thì thơ Hàn Mặc Tử có tỉ lệ thấp hơn cả so với ba nhà thơ còn lại, nhưng xét về tần suất xuất hiện trong mỗi bài thì Hàn Mặc Tử chỉ cao hơn Xuân Diệu. Như vậy, điệp là một biện pháp được Hàn Mặc Tử sử dụng nhiều trong các sáng tác thơ của mình, và nhà thơ đã khai thác hiệu quả nghệ thuật tối đa biện pháp tu từ này.

2.2.1. Các kiểu loại điệp ngữ trong thơ Hàn Mặc Tử

Căn cứ vào tính chất của tổ chức cấu trúc, Đinh Trọng Lạc chia điệp ngữ thành 3 dạng: *điệp ngữ nối tiếp*, *điệp ngữ cách quãng* và *điệp ngữ vòng tròn* (điệp ngữ chuyển tiếp) [4, tr.93]. Khảo sát thơ Hàn Mặc Tử, chúng tôi cũng dựa trên cách phân loại này.

a) Điệp ngữ nối tiếp

Theo Đinh Trọng Lạc: “*Điệp ngữ nối tiếp* là dạng điệp ngữ trong đó những từ ngữ được lặp lại trực tiếp đứng bên nhau nhằm tạo nên ấn tượng mới mẻ có tính chất tăng tiến” [4, tr.93-94]. Trong thơ Hàn Mặc Tử, các đơn vị ứng với các cấp độ ngôn ngữ khác nhau (từ, ngữ, câu) đều có thể được xếp cạnh nhau theo kiểu điệp nối tiếp.

- Điệp nối tiếp từ: Trong bài thơ *Trăng vàng trăng ngọc*, Hàn Mặc Tử sử dụng lặp lại nhiều lần biện pháp điệp nối tiếp: **Trăng! Trăng! Trăng! Là Trăng, Trăng Trăng!/ Ai mua trăng tôi bán trăng cho... Không, Không, Không! Tôi chẳng bán hồn Trăng/ Tôi già đồ chơi, anh tưởng rằng... Trăng! Trăng! Trăng! Là Trăng, Trăng, Trăng, Trăng!/ Trăng sáng trắng sáng khắp mọi nơi... Trăng! Trăng! Trăng! Là Trăng, Trăng, Trăng!**

Trăng xuất hiện nối tiếp ba lần liên tục, rồi sau đó cách bởi từ *là*, và tiếp tục lặp ba lần nữa, tạo thành một câu sáu lần từ *Trăng* được lặp lại. Bản thân câu này cũng lặp lại theo nối cách quãng ở ba vị trí trong

bài thơ: mở đầu, đoạn giữa và kết thúc bài thơ, và ở mỗi vị trí, nó lại đem đến một hiệu ứng và ý nghĩa nghệ thuật khác nhau. Đây là cách sử dụng hiếm gặp ở các nhà thơ khác, ngay cả Bích Khê - một nhà thơ có tỉ lệ bài sử dụng điệp và tần suất sử dụng biện pháp điệp rất cao. Ở vị trí mở đầu bài thơ, từ *trăng* lặp đi lặp lại tạo ấn tượng về một lời rao, chẳng khác nào lời rao, thậm chí như lời rao hàng mà ta vẫn nghe trong cuộc sống hàng ngày. Quả đúng như vậy, Hàn Mặc Tử rao bán *Trăng!* Ở đầu khổ tiếp theo, từ *Không* được điệp nối tiếp ba lần, để nhấn mạnh ý phủ định: *tôi chẳng bán trăng đâu, Tôi già đồ chơi thôi*, anh dừng dại mà tin. Lời phủ định *Không, Không, Không* khiến ta hình dung ra cả cử chỉ phi lời xua tay rồi rít khi ai đó hỏi mua *trăng vàng, trăng ngọc*. Ở khổ thứ ba, *Trăng! Trăng! Trăng! Là Trăng, Trăng, Trăng!* lại lặp lại nhưng không phải là tiếng rao bán, mà đó như là tiếng reo vui ngỡ ngàng trước ánh sáng rạng ngời tràn mọi ngõ của trăng. Đến khi kết thúc bài thơ, câu này vẫn tiếp tục lặp lại lần nữa, lúc này, trăng thực đã trở thành trăng mộng ảo, trăng trong tiềm thức, dù có trăng hay không có trăng trước mặt thì tâm trí nhà thơ vẫn bị choáng ngợp bởi *trăng*. Với loại điệp nối tiếp từ như ví dụ trên, trong thơ Hàn Mặc Tử còn bắt gặp những câu thơ khác lặp tương tự, như: *Phượng Trì, Phượng Trì, Phượng Trì, Phượng Trì* (Thánh nữ đồng trinh Maria); *Ôi trời ôi! là Phan Thiết! Phan Thiết! Hỡi Phan Thiết! Phan Thiết!* (Phan Thiết! Phan Thiết!); *Anh cần, cần cần cần* (Anh diên Tạng Thúc Tề); *A! A! A!* (Ra đời); *Mi! Mi! Mi! Có nghe trong gió thổi* (Quần tiên hội); *Rủ rê, rủ rê hai đứa tôi vào rừng hoang! Trăng! Trăng! Trăng! Trăng!* (Rượt trăng);... Các từ được lặp lại khi thì như tiếng reo, khi thì như lời gọi hối thúc, khi diễn tả hành động được lặp nhiều lần,... Tất cả đều thể hiện sự vội vàng, gấp gáp, cuồng quít trước sự trôi chảy của thời gian.

- **Điệp nối tiếp ngữ:** Loại điệp này có tác dụng khẳng định hay nhấn mạnh thông tin, đôi khi, gợi sự chi chi tiết, dẫn dắt. Ví dụ: *Người khóc đi, khóc đi cho hà nổi hờn căm!* (Thi sĩ Chàm); *Tàu lạy Bà, lạy Bà đây ơn phước* (Thánh nữ đồng trinh Maria); *Như bông trăng nở, bông trăng nở* (Uớc ao); *Tứ thời xuân! Tứ thời xuân non nước!* (Nguồn thơm); *Tôi ngâm thơ trăng thơ trăng* (Ưng trăng); *Hãy thua xa, thua xa màu vĩnh viễn* (Tình hoa);... Đối với loại điệp này, ngữ được lặp lại lần thứ hai thường hay đi kèm với một từ hay một cụm từ mở rộng, chẳng hạn, xét câu: *Một chiều xanh, - một chiều xanh huyền hoặc* (Rượt trăng), *một chiều xanh* lặp lại lần hai được bổ sung thêm thông tin mới hạn định, cụ thể hoá nghĩa (*xanh*) *huyền hoặc*,...

- **Điệp nối tiếp câu:** Điệp nối tiếp câu ít xuất hiện hơn hai loại điệp nối tiếp trên, gợi ấn tượng về hành động lặp lại hay tiếng hô gọi, thúc giục hành động khẩn trương, gấp gáp. Ví dụ: *Ta bay lên! Ta bay lên!* (Chơi trên trăng); *Hồ hô! Ta đuổi theo trăng! Ta đuổi theo trăng!* (Rượt trăng); *Hứng lấy sao băng! / Hứng lấy sao băng!* (Chuỗi cười); *Sang chơi thôi, sang chơi thôi, mà ai?* (Đừng cho lòng bay xa); *Loạn rồi! Loạn rồi, ôi giông loạn* (Trăng tự tử); *Biết rồi, biết rồi! Thôi biết cả* (Cô gái đồng trinh); *Trường Xuyên ơi! Trường Xuyên ơi!* (Nhớ Trường Xuyên)... Câu gốc và câu lặp có thể là câu tinh lược thành phần, gần với lối nói khẩu ngữ; và chúng có thể nằm trên cùng một dòng thơ hoặc nằm ở các dòng khác nhau. Vì câu thường có cấu tạo lớn hơn từ/ ngữ và vì tính cô đọng, hàm súc của thơ nên trong phạm vi một dòng thơ chỉ hay xuất hiện từ một đến hai lần lặp, một khổ thơ thường xuất hiện không quá ba lần lặp dòng.

b) Điệp ngữ cách quãng

Đây là dạng điệp ngữ trong đó những từ ngữ được lặp lại đứng cách nhau nhằm gây một ấn tượng nổi bật và có tác dụng âm nhạc rất cao. [4, tr.93]. Thơ Hàn Mặc Tử sử dụng phổ biến điệp cách quãng. Từ ngữ lặp lại có thể đứng cách từ ngữ gốc bởi một từ, một cụm từ, một câu, một khổ, hoặc nhiều khổ thơ. Cụ thể:

- Cách bởi một từ : Đối với loại này, giữa các từ ngữ điệp ngăn cách nhau bởi một từ. Một dòng thơ thường có hai lần lặp lại từ gốc, tạo cảm giác tăng tiến về mức độ hoặc biểu hiện đa dạng các trạng thái cảm xúc và dáng vẻ của chủ thể, sự vật, hiện tượng. Ví dụ: *Vì trăng ghen, trăng ngả, trăng rụng xuống mình hai tôi.* (Rượt trăng); *Xuân trẻ, xuân non, xuân lịch sự* (Gái quê); *Ta đi bắt nắng ngừng, nắng reo, nắng cháy, / Trên sóng càn, sóng áo cô gì má đỏ hây hây* (Ngủ với trăng); *Ở trong phổi, trong tim, trong hồn nữa...* (Trường tương tự); *Cõi thơ, cõi mộng, cõi niềm yêu đương...* (Ngủ với trăng); *Ta hoẵng hồn, hoẵng vía, ta hoẵng thiên* (Trăng tự tử); *Để cười, để trừng, để yêu nhau* (Chơi trên trăng); *Đầy lệ, đầy thương, đầy tuyệt vọng* (Trút linh hồn),...

- Cách bởi một/ nhiều cụm từ: Từ điệp lại có khi chia câu thơ làm hai nửa, tạo tính đối ứng, nhịp nhàng. Ví dụ: *Em đang mong mới, em đang nhớ/ Thôi em chán quá, em buồn quá* (Thao thức); *Hôn mắt*

xác, **hồn** sẽ nghiêng ngã (Hồn lia khỏi xác); *Giàu nhân đức, giàu muôn học từ bi.* (Thánh nữ đồng trinh Maria); **Trong** nắng thom, **trong** tiếng nhạc thần bay/ **Trong** mây kinh và **trong** gió nguyện cầu/ **Nào** trên châu, **nào** thanh sắc cho mau/ **Cho** chớp mắt, **cho** mê tình bản ngã (Trường thọ);... Nếu như điệp cách quãng bởi một từ tạo cho câu thơ nhịp ngắt ngắn, nhanh, dồn dập thì loại điệp cách quãng bởi cụm từ tạo ra nhịp dài 3/4 hoặc 4/3, phù hợp với việc diễn tả tâm trạng buồn rầu, náo nức, rã rời.

Có khi, từ lặp lại như một sợi dây xuyên suốt, nhấn mạnh một chủ đề chung của toàn bài. Ví dụ: *Đêm xuân lạnh, bóng xuân tàn/ Hoa xuân mơn trớn can tràng thuyền quyên./ Trời xuân vắng vẻ hương nguyên./ Sông xuân lặng lẽ con thuyền xa xa./ Xuân đi đi khắp sơn hà./ Tuổi xuân chắt mãi tóc da đôi màu./ Ngày xuân như gió thoảng mau./ Tình xuân một khối ai sầu hơn ai?/ Mưa xuân như nhắc chuyện đời./ Rượu xuân như gọi những lời nước non/ Thê xuân dù chẳng vuông tròn./ Khoá buồng xuân lại vẫn còn sâu xuân.* (Sầu xuân);... Cả một bài thơ được xâu chuỗi bởi một từ *xuân*, xuân phủ muôn nơi vạn nẻo, đất trời, cảnh vật, con người, tình đời: *đêm xuân, hoa xuân, trời xuân, sông xuân, tuổi xuân, ngày xuân, tình xuân, mưa xuân, rượu xuân, thê xuân, khoá buồng cũng xuân.* Cách điệp như vậy, khó có nhà thơ nào tinh tế, tài tình như Hàn Mặc Tử.

Trong trường hợp khác, từ điệp được lặp lại hầu như toàn bộ các từ đầu của mỗi dòng thơ, mặc dù vậy nhưng nó không hề làm mòn nhạt sự rung cảm của người đọc mà trái lại khắc sâu thêm cảm xúc dồn nén, mãnh liệt của Hàn Mặc Tử. Ví dụ: *Em xé toang trong hơi gió/ Em bóp nát tơ trăng/ Em túm muôn trời lại/ Em cắn vỡ hương ngàn/ Em cười thì sao rụng/ Em khóc thì đã bay/ Em nhớ chàng quá trí* (Em điên); *Tôi gò mây lại./ Tôi tìm sao bay./.../ Tôi đoạ không gian, rủa tới cùng./ Tôi khát vô cùng./ Tôi riết thời gian trong nắm tay/ Tôi vo tiéc mền như vo lụa* (Chơi trên trăng); *Chúng tôi kê đầu trên khối sao băng/ Chúng tôi soi chuyện bằng hơi thở* (Rượu trắng); *Đừng nói buồn mà không khi nao nao/ Để chơi voi này bông trắng lá gió/ Để phiêu phiêu này tờ thơ vàng vọt/ Để dầm dề hạt lệ đôi ta* (Đừng cho lòng bay xa);... Khi đã lường được sự lặp đi lặp lại của từ cũ, người đọc sẽ bắt đầu quan tâm đến cái khác lạ. Hàn Mặc Tử đã tạo được dấu ấn độc đáo riêng với những động từ, tính từ chỉ hành động, trạng thái, mang chứa lượng thông tin mới: *Em xé/ bóp/ túm/ cắn/ cười/ khóc/ nhớ; Tôi gò/ tìm/ đoạ/ khát/ riết/ vo; Chúng tôi kê đầu/ soi chuyện; Để chơi voi/ phiêu diêu/ dầm dề;...*

- Cách bởi một/ nhiều câu: Từ điệp lặp đi lặp lại khiến bài thơ trở nên sâu lắng, dạt dào cảm xúc hơn. Nó diễn đạt nỗi niềm băn khoăn, trăn trở, day dứt khôn nguôi, luôn chế ngự toàn trí toàn hồn của nhà thơ. Ví dụ: *Dâu ai không mong đợi/ Dâu ai không lắng nghe/ Tiếng buồn trong sương đục/ Tiếng hờn trong lữ tre/ Dưới trời thu man mác/ Bàng bạc khắp sơn khê/ Dâu ai trên bờ liễu/ Dâu ai dưới cành lê* (Tinh què);...

- Cách một/ một vài khổ: Thông thường, dòng điệp được lặp lại ở đầu các khổ tiếp, ví dụ: *Từ ấy anh ra đi./ Ngoài sông không gió thoảng/...// Từ ấy anh ra đi./ Bóng trắng vàng giải cát/...// Từ ấy anh ra đi./ Tiếng dương cầm vắng bật/...// Từ ấy anh ra đi./ Em gầy hơn vóc liễu/...* (Nhớ nhung). Đó là cách mà nhiều nhà thơ, trong đó có Hàn Mặc Tử thường hay sử dụng để gây ấn tượng và tạo sự liên kết giữa các khổ trong bài. Tuy nhiên, thơ Hàn Mặc Tử không đơn điệu một kiểu dạng nào, cũng sử dụng biện pháp điệp đầy, nhưng nhà thơ cách tân, linh hoạt sáng tạo, đem lại cảm giác mới mẻ, bất ngờ qua từng dòng, từng khổ; ví dụ: *Tôi hằng muốn thấy người tôi yêu / Nhớ nhìn đôi thông lúc xế chiều/...// Tôi thích nép mình trong cánh cửa/ Hé nhìn dáng điệu của người yêu/...// Có lần trông thấy người tôi yêu/ Đôi má đỏ bừng, tôi chạy theo/...// Có lần trông thấy người tôi yêu/ Tôi lại già vờ lên mặt kiêu/...// Tôi cũng trông thấy người tôi yêu/ Ngồi cạnh suối trong cõi yếm đào/...// Tôi không muốn gặp người tôi yêu/ Có lẽ vì tôi mắc cỡ nhiều/...* (Tôi không muốn gặp). Hai nhân vật chính của câu chuyện tình đơn phương được điệp lại nhiều lần, từ khổ này sang khổ khác. Mỗi khổ thơ như một câu chuyện về người tôi yêu với những diễn biến tâm lý thay đổi liên tục của chủ thể *tôi*. Ban đầu, chàng trai *muốn thấy* người yêu (*Tôi hằng muốn thấy người tôi yêu*), sau nó lên (*nép*) nhìn, rồi không hiểu vô tình hay cố ý lại nhìn thấy người ấy một vài lần nữa (*Có lần trông thấy người yêu tôi được lặp lại hai lần*), có lần *cũng* nhìn thấy cùng lúc với một ai đó (*Tôi cũng trông thấy người tôi yêu*), và cuối cùng vì xấu hổ, ngại ngùng phẫn mình trước sắc đẹp của nàng mà có cảm giác *không muốn gặp người tôi yêu* nữa. Cũng là diễn tả hành động quan sát bằng mắt nhưng khi thì nhà thơ dùng *thấy*, khi dùng *nhìn*, khi dùng *trông*, khi lại dùng *gặp*. Có thể thấy rằng những rung cảm của nhân vật *tôi* được thể hiện tinh tế qua các động từ (*muốn, thích, nép, ...*), phụ từ *cũng* (*trông thấy - cũng trông thấy*), *không* (*muốn - không muốn*), danh từ (*người tôi yêu - người yêu*)...

Ngoài sử dụng cách thức trên, Hàn Mặc Tử còn linh hoạt chuyển vị trí của từ ngữ điệp: có khi từ ngữ điệp đứng ở dòng đầu của khổ thơ, rồi đến đoạn sau lại “chạy” xuống dòng cuối của khổ thơ tiếp, ví dụ: *Mai sáng mai, trời cao rộng quá/ Gió căng hơi và nhac lên mây/ Đồi lòng cũng ấm như xuân ấm/ Chi có ao xuân trắng treo thay!// Mai này thiên địa mới tinh khôi/ Gió căng hơi và nhac lên trời/ Chim khuyen hót tiếng đầu tiên hết/ Hoa lá hồ nghi sự lạ đời!// Trái cây bằng ngọc vô bằng gắm/ Còn mặt trời kia tợ khối vàng/ Có người trai mới in như nguyệt/ Gió căng hơi và nhac lên ngàn.* (Xuân đầu tiên).

c) *Điệp ngữ vòng tròn (chuyển tiếp)*

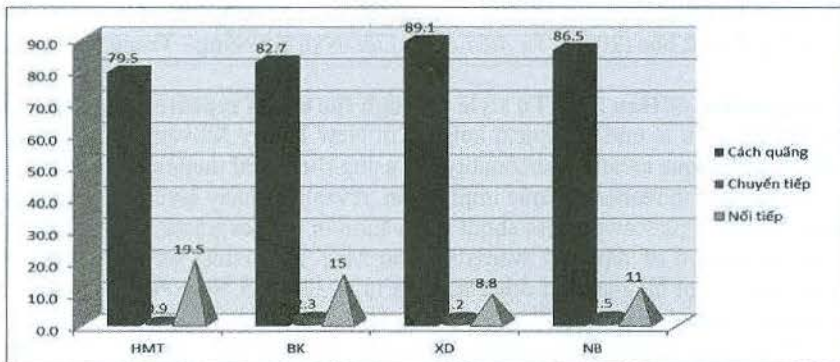
Loại điệp ngữ này có tác dụng tu từ lớn. Chữ cuối của câu trước được lấy lại thành chữ đầu câu sau và cứ thế, làm cho câu văn, câu thơ liền nhau như đợt sóng. [4, tr.94]. Hàn Mặc Tử ít sử dụng kiểu điệp chuyển tiếp/ vòng tròn này. Chúng tôi chỉ tìm thấy hai trường hợp dưới đây: *Lặng nhìn trong mộng miệng em cười/ Em cười anh cũng cười theo nữa* (Lưu luyến (II)); *Bao lời oán hận của si mê/ Mà trai gái tự tình bên (trên) miệng giéng/ Miệng giéng há ra/ Nuốt ực bao la* (Trăng tự tử). Loại điệp này diễn tả sự liên tục, gắn kết, nối buộc câu trên với câu dưới, tạo sự liền mạch, gây ấn tượng về sự lê thê, triền miên, không ngắt; kiểu mà nhiều bài đồng dao trẻ con hay sử dụng: *Sáo sậu là cậu sáo đen/ Sáo đen là em tu hú/ Tu hú là chủ bỏ các/ Bỏ các là bác chim ri/ Chim ri là dì sáo sậu/ Sáo sậu là cậu sáo đen!...*

2.2.2. *Cá biệt hóa trong cách sử dụng phép điệp của Hàn Mặc Tử*

Chúng tôi đã thống kê và phân loại toàn bộ các kiểu loại điệp ở bốn nhà thơ về số lượng và so sánh tỉ lệ phần trăm của mỗi kiểu loại trên tổng số lần sử dụng biện pháp điệp.

Bảng 2. Các kiểu loại điệp trong thơ Hàn Mặc Tử (HMT), Bích Khê (BK), Xuân Diệu (XD) và Nguyễn Bính (NB)

Các loại điệp	Hàn Mặc Tử		Bích Khê		Xuân Diệu		Nguyễn Bính	
	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)
Cách quãng	171	79,5	220	82,7	122	89,1	141	86,5
Chuyển tiếp	2	0,9	6	2,3	3	2,2	4	2,5
Nối tiếp	42	19,5	40	15	12	8,8	18	11
Tổng	215	100	266	100	137	100	163	100



Biểu đồ: Các kiểu loại điệp trong thơ Hàn Mặc Tử, Bích Khê, Xuân Diệu và Nguyễn Bính

Từ bảng và biểu trên, có thể rút ra một vài nhận xét sau:

Cả Hàn Mặc Tử, Bích Khê, Xuân Diệu và Nguyễn Bính hầu hết đều sử dụng biện pháp điệp *cách quãng*, xếp vị trí thứ hai là loại điệp *nối tiếp* và cuối cùng là loại điệp *chuyển tiếp*. Lí giải cho vấn đề này,

chúng tôi cho rằng, đó là vì tính đặc trưng của bản thân mỗi kiểu loại. *Điệp chuyển tiếp* (điệp ngữ vòng tròn) là một loại điệp không dễ sử dụng bởi nó đòi hỏi từ ngữ cuối của câu trước phải lặp lại ở đầu câu thơ tiếp theo sao cho thật khéo léo, tinh tế, đạt được dụng ý nghệ thuật. *Điệp nối tiếp* là các từ điệp đứng cạnh nhau trong cùng một dòng thơ thường nhằm diễn đạt sự tăng tiến về mức độ, với hình thức và ý nghĩa như vậy, nếu sử dụng *điệp nối tiếp* quá nhiều sẽ gây ấn tượng nhàm chán và không phải khi nào nhà thơ cũng muốn thể hiện dụng ý nghệ thuật mà điệp nối tiếp mang lại. *Điệp cách quãng* dễ sử dụng hơn cả (có thể các từ ngữ điệp xuất hiện cách nhau một đến một vài từ trong cùng một dòng thơ, hoặc xuất hiện cách nhau vài dòng, hoặc xuất hiện ở các khổ thơ khác nhau), đồng thời, nó không chỉ tạo tính nhạc, gây ấn tượng, mà còn tạo tính liên kết cho bài thơ. Kiểu loại này chiếm ưu thế vượt trội so với loại điệp chuyển tiếp và nối tiếp. Tóm lại, Hàn Mặc Tử không phải là nhà thơ sử dụng biện pháp điệp nhiều nhất, với tần số sử dụng cao nhất, nhưng cách mà ông vận dụng biện pháp điệp vào trong các sáng tác của mình thì khó trộn lẫn với ai. Đó là cái tài của một con người luôn có ý thức cao trong việc cách tân và đổi mới hình thức thi ca.

3. Kết luận

Mỗi tác giả có một cách thể hiện thế giới của riêng mình. Việc sử dụng biện pháp tu từ trong tác phẩm nghệ thuật luôn mang lại những cách diễn đạt mới mẻ, nhằm phát huy tối đa hiệu quả thẩm mỹ, góp phần thể hiện phong cách ngôn ngữ tác giả. Với Hàn Mặc Tử, từ tư liệu thống kê ngôn ngữ học biện pháp điệp ngữ trong thơ Hàn Mặc Tử, một mặt được miêu tả định lượng một cách hệ thống, mặt khác, được đối sánh với các tác giả cùng thời nhằm làm nổi bật một bình diện phong cách ngôn ngữ tác giả Hàn Mặc Tử. Với biện pháp tu từ này, tuy Hàn Mặc Tử sử dụng không nhiều như những tác giả được so sánh, nhưng cũng nổi rõ cá tính ngôn ngữ thơ của tác giả. Tác giả chủ yếu dùng ba kiểu loại điệp gồm điệp nối tiếp, điệp cách quãng và điệp vòng tròn; trong đó, kiểu điệp cách quãng xuất hiện nhiều hơn cả. Cách tổ chức cấu trúc điệp ngữ trong thơ Hàn Mặc Tử có nhiều nét độc đáo, riêng biệt, giàu nhạc tính, đem lại sự cách tân hình thức diễn đạt của ngôn ngữ thi ca, khơi gợi nhiều tầng nghĩa sâu sắc, đem đến cho người đọc những khoái cảm thẩm mỹ và giá trị nhận thức cao.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phan Cự Đệ (1997), *Hàn Mặc Tử tác phẩm phê bình và tưởng niệm*, Nxb Giáo dục, H.
2. Nguyễn Thái Hòa (2005), *Từ điển tu từ - Phong cách - Thi pháp học*, Nxb Giáo dục, H.
3. Đinh Trọng Lạc (1994), *Phong cách học văn bản*, Nxb Giáo dục, H.
4. Đinh Trọng Lạc (1995), *99 phương tiện và biện pháp tu từ tiếng Việt*, Nxb Giáo dục, H.
5. Đào Thân (1998), *Từ ngôn ngữ chung đến ngôn ngữ nghệ thuật*, In lần thứ hai, có sửa chữa, bổ sung, Nxb Khoa học xã hội, H.
6. Cù Đình Tú, Lê Anh Hiền, Võ Bình, Nguyễn Thái Hoà (1982), *Phong cách học tiếng Việt*, Nxb Giáo dục, H.
7. Cù Đình Tú (2001), *Phong cách học và đặc điểm tu từ tiếng Việt*, Nxb Giáo dục, H.
8. Viện Ngôn ngữ học (2002), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng - Trung tâm Từ điển học, H.

Impression of Han Mac Tu style through the use of repeated words in poems

Abstract: Han Mac Tu is one of typical authors in New Poetry Movement in Vietnamese Poetry in 20th Century. With his unique creative personality, by using rhetorical method of repeated words with high frequency, he has brought to readers unique impression, revealing many layers of profound meanings, and at the same time, inducing new awareness about renovation in new expression forms of poetical language. Studying rhetorical method of repeated words in Han Mac Tu poems, we have more experiences and conditions to reach poetical language of other authors in 1932-1945 New Poetry Movement in particular and of contemporary authors in general.

Key words: rhetorical; method of repeated words; poetical language; Han Mac Tu; New Poetry.